TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/HD-CTK

Thái Bình, ngày 12 tháng 6 năm 2024

HƯỚNG DẪN

Quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán Tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn các phường, thị trấn xét công nhận và công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh;

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Công bố các chỉ tiêu về Hợp tác xã, Tổ hợp tác và Khu công nghiệp và ban hành Quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán tiêu chí về thu nhập thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 959/TCTK-XHMT ngày 27/5/2024 của Tổng cục Thống kê về việc hướng dẫn triển khai thực hiện thu thập, tổng hợp tiêu chí thu nhập theo Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT;

Căn cứ Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về thực hiện các tiêu chí, tiêu chuẩn theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

Cục Thống kê Thái Bình hướng dẫn việc thực hiện Tiêu chí số 6 (tiểu mục 6.2) về Thu nhập bình quân đầu người trong Bảng đánh giá tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh và Tiêu chí số 6 (tiểu mục 6.1) về Thu nhập bình quân đầu người trong Bảng đánh giá tiêu chí thành phố trực thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh như sau:

1. Yêu cầu chung

- Thu thập, tổng hợp và tính toán Tiêu chí số 6 (tiểu mục 6.2) về Thu nhập bình quân đầu người trong Bảng đánh giá tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh và Tiêu chí số 6 (tiểu mục 6.1) về Thu nhập bình quân đầu người trong Bảng đánh giá tiêu chí thành phố trực thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh cần đáp ứng các yêu cầu: Thực hiện theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ được ngành Thống kê quy định thống nhất và đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện; đảm bảo độ tin cậy, phản ánh xác thực thu nhập của nhân khẩu thực tế thường trú trên địa bàn

phường, thị trấn; không xung đột với các kết quả khác do ngành Thống kê thực hiện và công bố.

- Tiêu chí số 6 (tiểu mục 6.2) về Thu nhập bình quân đầu người trong Bảng đánh giá tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: Thu nhập bình quân đầu người của phường, thị trấn đạt mức bằng hoặc cao hơn thu nhập bình quân đầu người của toàn tỉnh.

- Tiêu chí số 6 (tiểu mục 6.1) về Thu nhập bình quân đầu người trong Bảng đánh giá tiêu chí thành phố trực thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh: Thu nhập bình quân đầu người của thành phố đạt mức cao hơn thu nhập bình quân đầu người của toàn tỉnh.

2. Các khái niệm

2.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm trên địa bàn phường, thị trấn

Thu nhập bình quân đầu người/năm trên địa bàn phường/thị trấn được tính bằng tổng thu nhập của toàn bộ các hộ trên địa bàn phường/thị trấn chia cho tổng số nhân khẩu thực tế thường trú trên địa bàn phường/thị trấn trong năm báo cáo.

2.2. Thu nhập của hộ

Thu nhập của hộ là toàn bộ các khoản thu nhập mà các thành viên của hộ nhận được trong trong năm báo cáo, bao gồm:

(1) Thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ sản xuất kinh doanh, bao gồm:

- Thu nhập từ tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất như tiền lương, tiền công (phụ cấp, thưởng,…);

- Lương hưu và trợ cấp thất nghiệp, thôi việc một lần;

- Thu nhập từ sản xuất kinh doanh: thu nhập từ hoạt động nông, lâm, thủy sản và hoạt động phi nông, lâm, thủy sản; lợi nhuận từ làm chủ hoặc tham gia làm chủ doanh nghiệp/HTX/Cơ sở kinh doanh cá thể.

(2) Thu nhập khác, bao gồm:

- Thu nhập từ sở hữu tài sản, đầu tư tài chính, bao gồm: thu nhập từ cho thuê nhà cửa/đất đai/tài sản, lãi gửi tiết kiệm, cổ tức;

- Thu nhập từ chuyển nhượng, bao gồm: thu nhập từ các khoản trợ cấp, từ kiều hối, từ quà cho/biếu/tặng,..

- Thu nhập khác: các khoản thu nhập làm tăng thu nhập chưa kể trên như trúng xổ số, vui chơi có thưởng.

Lưu ý: các khoản thu không được tính vào thu nhập gồm: tiền rút tiết kiệm, thu nợ, bán tài sản (nhà, đất, tài sản khác,...), khoản vay nợ, tạm ứng và các khoản chuyển nhượng vốn do liên doanh, liên kết trong sản xuất, kinh doanh, bồi thường đất do giải tỏa.

2.3. Hộ

Hộ bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai.

Chủ hộ là một thành viên trong hộ, am hiểu thông tin của các thành viên khác, được các thành viên khác thừa nhận. Chủ hộ có thể trùng hoặc không trùng với chủ hộ được ghi trong sổ hộ khẩu do ngành Công an cấp.

2.4. Nhân khẩu thực tế thường trú

Nhân khẩu thực tế thường trú (viết gọn là NKTTTT) là những người thực tế thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra đã được từ 06 tháng trở lên và những người mới chuyển đến dưới 06 tháng nhưng xác định sẽ ăn, ở ổn định tại hộ, trẻ em mới sinh trước thời điểm điều tra và những người tạm vắng, không phân biệt họ có hay không có hộ khẩu thường trú (quy định thống nhất theo Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở 2019). Những trường hợp sau đây được xác định là NKTTTT tại hộ:

(1) Những người thực tế thường xuyên ăn, ở tại hộ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm điều tra, không phân biệt họ có hay không có hộ khẩu thường trú; những người tuy đã có giấy tờ di chuyển (giấy gọi nhập ngũ, giấy chiêu sinh, quyết định tuyển dụng, thuyên chuyển công tác,...) nhưng đến thời điểm điều tra họ vẫn chưa rời khỏi hộ để đến nơi ở mới.

(2) Những người mới đến hộ chưa được 06 tháng nhưng xác định sẽ ăn, ở ổn định như trẻ em mới sinh, những người đã rời hẳn nơi ở cũ đến ở ổn định tại hộ.

(3) Những người lâu nay vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng tại thời điểm điều tra họ tạm vắng như người đi nghỉ hè, nghỉ lễ, đi công tác, đi du lịch, dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, đi chữa bệnh, v.v…; người đang bị tạm giữ; người rời gia đình đi làm ăn ở nơi khác tính đến thời điểm điều tra chưa đủ 6 tháng.

3. Phạm vi khảo sát, thời gian và thời kỳ thu thập thông tin

- Phạm vi khảo sát: Khảo sát thu thập thông tin trên địa bàn phường/thị trấn để tính toán kết quả Tiêu chí số 6 (tiểu mục 6.2) về Thu nhập bình quân đầu người trong Bảng đánh giá tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh và Tiêu chí

số 6 (tiểu mục 6.1) về Thu nhập bình quân đầu người trong Bảng đánh giá tiêu chí thành phố trực thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

- Thời gian thu thập thông tin: Từ ngày 01 tháng 8 đến hết ngày 20 tháng 8 năm báo cáo.

- Thời kỳ thu thập thông tin: Thông tin được thu thập trong thời kỳ 12 tháng qua kể từ thời điểm thu thập (điều tra).

4. Phương pháp và nội dung thu thập thông tin

Khảo sát được tiến hành điều tra chọn mẫu và áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp.

Trường hợp địa phương đảm bảo được nguồn ngân sách để tiến hành thu thập thông tin của toàn bộ các hộ trên địa bàn phường/thị trấn thì sẽ không thực hiện các nội dung liên quan đến chọn mẫu, tính và tổng hợp thông tin mẫu ở các biểu trong Phụ lục. Các nội dung thu thập và biểu mẫu còn lại thực hiện như hướng dẫn.

4.1. Chọn mẫu

4.1.1. Chuẩn bị danh sách chọn mẫu

Bước 1. Lập bảng kê các hộ và NKTTTT theo tổ dân phố: sử dụng bảng kê hộ từ Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở 2019 và cập nhật các hộ mới phát sinh đến thời điểm thu thập thông tin cho từng tổ dân phố vào cuối bảng kê. Nếu bảng kê hộ từ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở 2019 theo địa bàn thì ghép các địa bàn theo tổ dân phố (Biểu số: 01.BK/ĐTVM, Phần A của Phụ lục).

Bước 2. Tổng hợp số lượng hộ và NKTTTT của phường/thị trấn: Tổng hợp số lượng hộ và NKTTTT của toàn phường/thị trấn từ tổng hợp số hộ của từng tổ dân phố ở Bước 1 (Biểu số: 02.X/ĐTVM, Phần A của Phụ lục).

4.1.2. Xác định cỡ mẫu

Bước 1: Xác định cỡ mẫu cho phường/thị trấn

Mẫu khảo sát cần đảm bảo tính đại diện cho toàn phường/thị trấn và đáp ứng tỷ lệ tối thiểu theo công thức xác định cỡ mẫu tối thiểu khi biết quy mô tổng thể (số lượng hộ được tổng hợp ở Biểu số: 02.X/ĐTVM, Phần A của Phụ lục).

Công thức:

$$n = \frac{N}{1 + N * e^2}$$

Trong đó: n là số hộ chọn mẫu

N là tổng số hộ trên địa bàn phường/thị trấn
e: sai số cho phép, thường có 3 tỷ lệ sai số khi sử dụng là 1%, 5% và 10%

Bước 2: Phân bổ mẫu cho tổ dân phố

Nguyên tắc: phân bổ số lượng mẫu tỷ lệ thuận với quy mô hộ của tổ dân phố.

Sau khi xác định cỡ mẫu cho toàn phường/thị trấn ở ***Bước 1***, tiếp tục thực hiện phân bổ số lượng hộ mẫu của phường/thị trấn cho các tổ dân phố theo nguyên tắc tỷ lệ thuận với quy mô hộ của tổ dân phố.

Số lượng mẫu của phường/thị trấn và phân bổ mẫu cho tổ dân phố chi tiết tại Biểu số: 03.M/ĐTVM, Phần A của Phụ lục.

4.1.3. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống

Mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống để đảm bảo tính đại diện của chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn phường/thị trấn. Các bước chọn mẫu như sau:

Bước 1: Xác định khoảng cách (k) chọn mẫu cho từng tổ dân phố với k =N/n, trong đó: N là tổng số hộ của tổ dân phố và n là số hộ được chọn mẫu của tổ dân phố được xác định ở Bước 2, Mục 4.1.2 (thông tin ở Biểu số: 03.M/ĐTVM, Phần A của Phụ lục). Để tránh mẫu được chọn nhiều ở các hộ trên đầu danh sách, thống nhất quy định khoảng cách k được làm tròn xuống.

Bước 2: Xác định đơn vị chọn mẫu đầu tiên (hộ được chọn đầu tiên) bằng phương pháp chọn ngẫu nhiên 1 số trong các số từ 1-k; trong đó k là khoảng cách chọn mẫu.

***Bước 3: Chọn mẫu lần lượt các hộ theo thứ tự*:** hộ thứ nhất có số thứ tự (i) trong bảng kê được chọn đầu tiên; hộ thứ 2 là i+k; hộ thứ 3 là i+2*k cho đến hộ cuối cùng là n có số thứ tự là i+(n-1)*k.

Chọn hộ dự phòng: Ngoài các hộ được chọn kể trên, để ứng phó với trường hợp các hộ trong danh sách mẫu bị từ chối hoặc không thu thập được do nhiều lý do, khi chọn mẫu lập thêm danh sách hộ dự phòng 10% mẫu được chọn. Các hộ dự phòng được chọn đồng thời khi thực hiện chọn hộ mẫu chính thức và chọn nối tiếp vào danh sách.

Danh sách hộ mẫu của từng tổ dân phố tổng hợp theo Biểu số: 04.HM/ĐTVM, Phần A của Phụ lục.

4.2. Nội dung, phiếu thu thập thông tin

Nội dung thông tin thu thập bao gồm NKTTTT và thu nhập của hộ. Thông tin về thu nhập bao gồm:

- Mục 1. Thu nhập từ tiền lương, tiền công;

- Mục 2. Thu nhập từ trồng trọt;

- Mục 3. Thu nhập từ chăn nuôi;

- Mục 4. Thu nhập từ lâm nghiệp;

- Mục 5. Thu nhập từ thủy sản;

- Mục 6. Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ phi nông, lâm nghiệp, thủy sản; chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản;

- Mục 7. Thu nhập khác.

Nội dung phiếu thu thập thông tin và hướng dẫn, chi tiết tại Phần B của Phụ lục.

5. Tổng hợp và tính thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn phường/thị trấn và báo cáo kết quả

Tổng hợp tổng thu nhập của hộ mẫu của từng tổ dân phố trong phường/thị trấn (Biểu số: 01.N/ĐTVM, Phần C của Phụ lục).

Thu nhập bình quân đầu người/năm trên địa bàn phường/thị trấn được tính bằng cách cộng tổng thu nhập của toàn bộ các tổ dân phố trong phường/thị trấn chia cho tổng số NKTTTT trên địa bàn phường/thị trấn (chi tiết tại Biểu số: 02.N/ĐTVM, Phần C của Phụ lục).

Báo cáo kết quả và mẫu biểu theo quy định tại Phần C của Phụ lục về Chi cục Thống kê huyện/thành phố; Cục Thống kê tỉnh thời gian chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 năm báo cáo.

6. Kiểm tra, xác nhận tính chính xác của số liệu thu thập, tổng hợp

Nội dung xác nhận tính chính xác của số liệu thu thập và tổng hợp bao gồm kiểm tra, rà soát toàn bộ thông tin và biểu mẫu báo cáo quy định tại Phần A, B và C của Phụ lục kèm theo. Trình tự kiểm tra theo các bước sau:

Bước 1: Kiểm tra quy trình xác định số lượng mẫu của phường/thị trấn và phân bổ mẫu cho tổ dân phố. Căn cứ vào các Biểu số 01, 02 và 03 ở Phần A và công thức xác định cỡ mẫu ở Mục 2.1.2 của Phụ lục.

Bước 2: Kiểm tra danh sách hộ mẫu của từng tổ dân phố ở Biểu số: 04.HM/ĐTVM Phần A của Phụ lục. Căn cứ vào khoảng cách k được xác định tại Bước 1, Mục 4.1.3 và Bảng kê hộ của tổ dân phố (Biểu số: 01.BK/ĐTVM tại Phần A của Phụ lục).

Bước 3. Kiểm tra số liệu thu thập theo Phần B của Phụ lục (lấy ngẫu nhiên từ 5% đến 10% Phiếu thu thập thông tin) với các nội dung sau:

(1) Số liệu thu thập đầy đủ bao gồm đầy đủ cả về thông tin người thu thập và nội dung các thông tin ở từng mục;

(2) Thông tin thu thập theo đúng hướng dẫn trong Phần B của Phụ lục, đầy đủ về nội dung và đảm bảo tính logic giữa các thông tin;

(3) Thông tin được xử lý (nhập tin) cẩn thận phục vụ cho tính toán và suy rộng cho toàn phường/thị trấn.

Bước 4. Kiểm tra kết quả tính thu nhập bình quân đầu người của hộ mẫu và kết quả suy rộng cho phường/thị trấn ở các biểu quy định tại Phần C của Phụ lục, nội dung kiểm tra gồm:

(1) Tính đầy đủ của các chỉ tiêu và xác nhận của các bên liên quan ở từng biểu đảm bảo tính pháp lý;

(2) Rà soát thông tin về chủ hộ và số NKTTTT ở Biểu số: 01.N/ĐTVM của Phần C với thông tin ở Biểu số: 04.HM/ĐTVM Phần A của Phụ lục;

(3) Thông tin ở các biểu tại Phần C của Phụ lục được tổng hợp đúng từ kết quả thu thập; kết quả tính toán chính xác và kết quả suy rộng đúng quy định.

Sau khi kiểm tra, rà soát các nội dung theo các bước trên, nếu kết quả đảm bảo đầy đủ các yêu cầu quy định từ bước 1 đến bước 4 thì Cục Thống kê tỉnh ban hành văn bản công nhận kết quả và gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thời gian trước ngày 20 tháng 9 năm báo cáo.

7. Tổ chức thực hiện

7.1 Cấp tỉnh: Cục Thống kê tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn Quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán Tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người; kiểm tra, xác nhận kết quả thu thập và ban hành văn bản công nhận kết quả.

7.2. Cấp huyện: Chi cục Thống kê huyện, thành phố hướng dẫn và thực hiện chọn mẫu các hộ gia đình của phường/thị trấn khảo sát thu thập thông tin; hướng dẫn, hỗ trợ UBND phường/thị trấn tổ chức thu thập, tính toán và báo cáo theo biểu mẫu quy định. Đồng thời giám sát, kiểm tra toàn bộ quá trình thu thập thông tin trên địa bàn.

7.3. Cấp phường/thị trấn: Chủ tịch UBND phường/thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thu thập, tổng hợp và báo cáo kết quả chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người theo đúng quy trình, biểu mẫu quy định.

Trong quá trình triển khai, thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh đề nghị liên hệ trực tiếp với Cục Thống kê Thái Bình (qua Phòng Thống kê Xã hội theo điện thoại 02273.743.984; DĐ đc Bình 0913.363.259; hoặc đc Trang 0916.102.447) để trao đổi và được hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ chuyên môn.

8. Hệ thống biểu mẫu và phiếu thu thập thông tin đính kèm

Phần A. Biểu mẫu về quy trình chọn mẫu.

PHẦN A-ĐTVM.docx

Phần B. Phiếu thu thập thông tin.

PHẦN B-ĐTVM.docx

Phần C. Biểu tổng hợp kết quả.

PHẦN C-ĐTVM.docx

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân tỉnh (để b/c);
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh;
- UBND huyện, TP;
- Lãnh đạo Cục Thống kê;
- Chi cục Thống kê huyện, TP;
- UBND phường/thị trấn;
- Lưu: VT, TKXH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH THÁI BÌNH
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Phạm Văn Tụ